

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

| <b>NỘI DUNG</b>                                                                                                                                                                             | <b>TRANG</b> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung về Quỹ                                                                                                                                                                      | 1            |
| Công bố trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính giữa niên độ                                                                                                          | 2            |
| Phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ của Ban Đại diện Quỹ                                                                                                                               | 3            |
| Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ                                                                                                                                                             | 4            |
| Báo cáo của Ngân hàng giám sát                                                                                                                                                              | 11           |
| Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ                                                                                                                                           | 13           |
| Báo cáo thu nhập giữa niên độ cho giai đoạn từ<br>ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Mẫu số B 01g – QM)                                               | 15           |
| Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 02g – QM)                                                                                                                                | 17           |
| Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ giữa niên độ cho giai đoạn từ<br>ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Mẫu số B 03g – QM) | 19           |
| Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 04g – QM)                                                                                                                                                 | 20           |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ<br>ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Mẫu số B 05g – QM)                                     | 22           |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ giai đoạn từ<br>ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Mẫu số B 06g – QM)                                  | 24           |

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán  
Chứng chỉ Quỹ ra công chúng**

Số 117/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
("UBCKNN") cấp ngày 31 tháng 7 năm 2024

**Giấy Chứng nhận Đăng ký lập  
Quỹ đại chúng**

Số 187/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 13 tháng 11 năm 2024

**Ban Đại diện Quỹ**

|                     |            |
|---------------------|------------|
| Ông Phạm Linh       | Chủ tịch   |
| Ông Tống Công Cường | Thành viên |
| Ông Đoàn Thuận Hải  | Thành viên |

**Ban Điều hành Công ty  
Quản lý Quỹ**

|                      |               |
|----------------------|---------------|
| Ông Nguyễn Quốc Dũng | Tổng Giám đốc |
|----------------------|---------------|

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered  
(Việt Nam)

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng,  
Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## **QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2, Thuyết minh 3 và Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 15 đến trang 52. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Phạm Linh  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

#### 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (“QUỸ”)

##### 1.1 Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận tối ưu cho nhà đầu tư trong dài hạn thông qua một danh mục đầu tư đa dạng vào các công ty có triển vọng tăng trưởng bền vững với mô hình kinh doanh phù hợp và có nỗ lực cải thiện các vấn đề liên quan đến Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp (Environmental – Social – Governance; viết tắt là ESG).

##### 1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính đã được soát xét của Quỹ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đã tăng 218,47% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày thành lập.

##### 1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ kết hợp việc phân tích, đánh giá tình hình các yếu tố kinh tế vĩ mô (top-down approach) và phân tích chuyên sâu tình hình hoạt động, triển vọng tăng trưởng của các công ty (bottom-up approach). Quỹ tập trung đầu tư chủ yếu vào các công ty niêm yết hoạt động tại nhiều ngành nghề khác nhau, có triển vọng tăng trưởng bền vững và có nền tảng tài chính vững chắc. Bên cạnh đó, Quỹ còn tích hợp thêm việc phân tích, đánh giá các yếu tố liên quan đến Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình ra quyết định đầu tư. Quỹ tin rằng một công ty có chính sách quản trị rủi ro và nắm bắt cơ hội có liên quan đến ESG sẽ tạo ra giá trị dài hạn cho doanh nghiệp, từ đó mang lại lợi nhuận bền vững cho Nhà Đầu Tư.

Quỹ có cơ cấu phân bổ tài sản mục tiêu như sau:

- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán: từ 80% tới 100%
- Các tài sản được phép đầu tư khác: từ 0% tới 20%

Cơ cấu phân bổ tài sản mục tiêu này mang tính định hướng. Trong thực tế, tùy thuộc vào diễn biến của thị trường, cơ cấu phân bổ tài sản của Quỹ có thể thay đổi mà không vi phạm các hạn chế đầu tư.

##### 1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ hoạt động dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở và thời gian hoạt động không xác định.

##### 1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 187/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 13 tháng 11 năm 2024.

##### 1.6 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025:

- |                                             |                   |               |
|---------------------------------------------|-------------------|---------------|
| • Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:     | 140.131.353,61    | Chứng chỉ quỹ |
| • Tổng giá trị chứng chỉ quỹ theo mệnh giá: | 1.401.313.536.100 | VND           |
| • Tổng giá trị tài sản ròng:                | 1.469.243.151.969 | VND           |

##### 1.7 Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (tiếp theo)

##### 1.8 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ, chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Quản lý Quỹ không có bất kỳ cam kết nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung tương tự của Quỹ trong tương lai. Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.

Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được tuyên bố và thực hiện, tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi tương ứng.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác và Quỹ đã lập các quỹ dự phòng. Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.

##### 1.9 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ở thời điểm báo cáo

Trong giai đoạn, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

#### 2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

##### 2.1 Cơ cấu tài sản của Quỹ

|                             | Tại ngày<br>30.6.2025<br>(%) |
|-----------------------------|------------------------------|
| 1. Tiền và tương đương tiền | 3,56                         |
| 2. Các khoản đầu tư         | 96,44                        |
|                             | <hr/>                        |
|                             | 100,00                       |
|                             | <hr/>                        |

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

##### 2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Tại ngày 30.6.2025/ Giai đoạn từ  
ngày 13.11.2024 (ngày thành  
lập) đến ngày 30.6.2025

|                                                                             |                   |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1. NAV của Quỹ (VND)                                                        | 1.469.243.151.969 |
| 2. Tổng CCQ đang lưu hành (số lượng)                                        | 140.131.353,61    |
| 3. NAV của một đơn vị CCQ (VND)                                             | 10.485            |
| 4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ<br>trong giai đoạn báo cáo (VND)           | 10.635            |
| 5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong giai đoạn báo cáo (VND)             | 8.870             |
| 6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)                    | Không áp dụng     |
| 7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong giai đoạn<br>báo cáo (VND) | Không áp dụng     |
| 8. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong giai đoạn<br>báo cáo (VND) | Không áp dụng     |
| 9. Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ so với cùng kỳ năm trước (%)               | Không áp dụng     |
| 10. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)                                     | 1.83              |
| 11. Tốc độ vòng quay danh mục (%)                                           | 131.63            |

##### 2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

| Giai đoạn        | Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%) |
|------------------|----------------------------------|
| Từ khi thành lập | 4,85                             |

##### 2.4 Tăng trưởng hàng năm

| Thời kỳ                            | Từ ngày 13.11.2024 (ngày thành lập)<br>đến ngày 30.6.2025 |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| Tỷ lệ tăng trưởng/1 đơn vị CCQ (%) | 4,85                                                      |

## **QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

### **BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)**

#### **3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ BÁO CÁO**

##### **Kinh tế vĩ mô Thế giới**

Trong tháng 6, Hoa Kỳ đạt thỏa thuận thuế quan với Anh và Trung Quốc. Trong tuần đầu tháng 7, Hoa Kỳ tiếp tục công bố khung thỏa thuận thương mại với Việt Nam, đồng thời Tổng thống Donald Trump đã gửi thư áp thuế đối ứng với nhiều quốc gia, ông kêu gọi đàm phán trước khi mức thuế mới có hiệu lực từ 01/08/2025. Dù lo ngại về thuế vẫn hiện hữu, tác động lên thị trường tài chính đã giảm dần. Chỉ số S&P 500 đạt đỉnh mới tại 6.290 điểm trong tuần đầu tiên của tháng 7.

Áp lực kêu gọi giảm lãi suất từ ông Trump lên Chủ tịch Fed Jerome Powell làm gia tăng kỳ vọng thay đổi chính sách tiền tệ, hỗ trợ đà tăng của thị trường.

Tại Diễn đàn ECB ở Sintra (Bồ Đào Nha), các lãnh đạo ngân hàng trung ương toàn cầu thảo luận về việc thích ứng chính sách vĩ mô. Tuy nhiên, chưa có đồng thuận rõ ràng về việc cắt giảm lãi suất do lo ngại lạm phát và tác động từ chính sách thuế của Hoa Kỳ.

##### **Kinh tế vĩ mô Việt Nam**

##### **Triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam 2025: Tích cực dù còn thách thức**

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2025 vẫn khả quan, nhờ vào đầu tư công mạnh mẽ và chính sách tiền tệ hỗ trợ. Đầu tư công được kỳ vọng là động lực tăng trưởng chính, thúc đẩy phát triển hạ tầng và tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực lên toàn nền kinh tế. Ngoài ra, việc Việt Nam có vị thế thuế quan thuận lợi trong thỏa thuận thương mại sơ bộ với Mỹ giúp tăng sức cạnh tranh xuất khẩu. Dù môi trường thương mại toàn cầu còn bất ổn, nền tảng tài khóa và tiền tệ ổn định giúp Việt Nam duy trì đà tăng trưởng trong suốt năm.

##### **Tăng trưởng GDP quý II mạnh mẽ**

GDP quý II/2025 tăng 7,96% so với cùng kỳ, là mức cao thứ hai kể từ năm 2011. Tăng trưởng chủ yếu đến từ ngành công nghiệp - xây dựng (+9,0%) và dịch vụ (+8,5%), phản ánh sức cầu nội địa vững chắc và hiệu quả của đầu tư công, giúp nền kinh tế tiến gần hơn đến mục tiêu năm của Chính phủ.

##### **Lạm phát tăng do chi phí năng lượng. Tiêu dùng nội địa được hỗ trợ bởi du lịch và kích cầu**

Lạm phát tháng 6 tăng lên 3,57% YoY và 0,48% MoM, chủ yếu do giá điện và xăng tăng trong mùa hè và ảnh hưởng từ xung đột Iran-Israel. Tuy nhiên, CPI trung bình 6 tháng đầu năm ở mức trung bình (3,27%), thể hiện tình hình lạm phát vẫn trong mức quản lý được. Doanh số bán lẻ trong tháng 6 tăng 8,3% YoY theo giá trị danh nghĩa, thúc đẩy nhu cầu trong các dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch. Ngoài ra, các biện pháp của chính phủ tiếp tục thúc đẩy tiêu dùng nội địa. Những yếu tố này dự kiến sẽ tiếp tục hỗ trợ hoạt động bán lẻ trong các tháng tới.

##### **Sản xuất công nghiệp tăng nhưng tâm lý doanh nghiệp suy yếu**

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 6 tăng 10,8% YoY và 4,1% MoM, dẫn đầu bởi ngành chế tạo (+12,1%). Tuy nhiên, PMI sản xuất giảm xuống 48,9, phản ánh điều kiện kinh doanh suy yếu nhẹ do đơn hàng xuất khẩu mới giảm mạnh – mức thấp nhất trong hơn 2 năm, trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu yếu và lo ngại về thuế Mỹ. Dù vậy, niềm tin doanh nghiệp vẫn ổn định, với phần lớn kỳ vọng cải thiện trong quý III.

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN BÁO CÁO (tiếp theo)

##### Thương mại và FDI duy trì sức bật giữa bối cảnh thách thức

Hoạt động thương mại tháng 6 vẫn tích cực: xuất khẩu tăng 16,4% YoY đạt 39,5 tỷ USD, dẫn đầu bởi nhóm điện tử. Nhập khẩu tăng 20,2% YoY đạt 36,7 tỷ USD, chủ yếu là nguyên liệu sản xuất. Việt Nam duy trì thặng dư thương mại 2,9 tỷ USD. Giải ngân FDI đạt 2,8 tỷ USD (+8,8% YoY), mức cao nhất từ đầu năm, nhờ ưu đãi thuế quan và nền tảng đầu tư vững chắc, tiếp tục củng cố vị thế hấp dẫn của Việt Nam trong mắt nhà đầu tư nước ngoài.

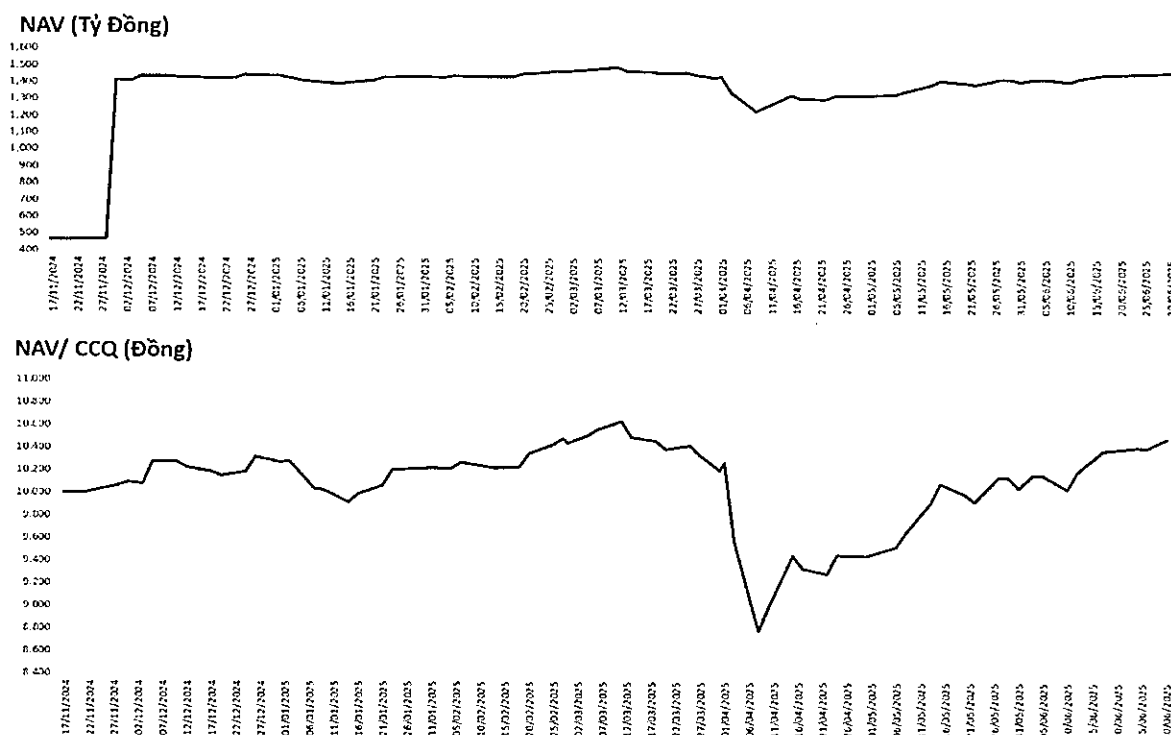
*Ghi chú: Các số liệu nêu tại mục này được tổng hợp từ các nguồn sau đây: Tổng cục Thống kê Việt Nam, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bloomberg và Fiinpro. Do số liệu này được tổng hợp từ bên thứ ba, mặc dù chúng tôi thận trọng xem xét, thẩm định, đánh giá, chúng tôi không chịu trách nhiệm về những nội dung hay sai sót của những số liệu nêu trên.*

#### 4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

##### 4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

So với thời điểm thành lập quỹ, Giá trị tài sản ròng của quỹ và Giá trị tài sản ròng của quỹ trên một Chứng chỉ Quỹ tại ngày 30.6.2025 đã tăng tương ứng 218,47% và 4,85%.

Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ từ ngày thành lập:



Thay đổi NAV:

| Chỉ tiêu                   | 30.6.2025<br>VND  | 13.11.2024<br>(ngày thành lập)<br>VND | Tỷ lệ thay đổi<br>(%) |
|----------------------------|-------------------|---------------------------------------|-----------------------|
| NAV của Quỹ                | 1.469.243.151.969 | 461.341.686.000                       | 218,47                |
| NAV trên 1 CCQ ("NAV/CCQ") | 10.485            | 10.000                                | 4,85                  |

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

##### 4.2 Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo

| Quy mô nắm giữ (đơn vị)  | Số lượng nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị CCQ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------|
| Dưới 5.000               | 92                          | 100.892,26                  | 0,07              |
| Từ 5.000 – dưới 10.000   | 32                          | 189.771,06                  | 0,14              |
| Từ 10.000 – dưới 50.000  | 44                          | 852.624,41                  | 0,61              |
| Từ 50.000 – dưới 500.000 | 7                           | 530.121,96                  | 0,38              |
| Trên 500.000             | 1                           | 138.457.943,92              | 98,80             |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>176</b>                  | <b>140.131.353,61</b>       | <b>100,00</b>     |

#### 5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

##### Thị trường chứng khoán

##### Thị trường chứng khoán Việt Nam: Triển vọng tích cực đi kèm rủi ro đáng lưu ý

Chỉ số VN-Index kết thúc tháng 6/2025 ở mức 1.376,10 điểm, tăng 3,30% so với tháng trước và 8,60% so với đầu năm, tiếp tục xu hướng phục hồi bất chấp áp lực bán rông từ khối ngoại trong tháng trước. Tâm lý thị trường được cải thiện nhờ căng thẳng thương mại Mỹ - Trung hạ nhiệt, tiến triển trong đàm phán thuế giữa Việt Nam và Mỹ, cùng với đà tăng của các thị trường chứng khoán toàn cầu. Tuy nhiên, thanh khoản thị trường suy yếu, với giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày trên sàn HSX giảm 3,40% xuống còn 804,7 triệu USD. Khối ngoại ghi nhận bán rông 54 triệu USD trong tháng. Hệ số P/E trailing của VN-Index tăng lên 14,1 lần vào cuối tháng 6, phản ánh mức định giá đang mở rộng cùng với đà tăng giá cổ phiếu.

Thị trường chứng khoán Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng nhưng cũng đối mặt với rủi ro. Việc triển khai hệ thống giao dịch mới KRX từ tháng 5/2025 giúp hiện đại hóa hạ tầng thị trường, tăng tính minh bạch và củng cố niềm tin nhà đầu tư. Ngoài ra, khả năng được nâng hạng lên nhóm thị trường mới nổi của FTSE có thể thu hút thêm dòng vốn ngoại. Ở chiều ngược lại, tâm lý nhà đầu tư vẫn thận trọng do bất ổn trong chính sách thương mại toàn cầu, đặc biệt từ Mỹ và các nền kinh tế lớn. Những yếu tố này có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu và khả năng duy trì dòng vốn FDI vào Việt Nam.

##### Hiệu suất ngành.

Trong tháng 6, nhóm Dầu khí dẫn đầu với mức tăng 8,6%, tiếp theo là Hàng tiêu dùng (+7,6%) và Bảo hiểm (+5,2%), đều vượt trội so với VN-Index. Các nhóm này hưởng lợi từ diễn biến thị trường thuận lợi và sức mạnh nội tại của một số cổ phiếu. Ngược lại, Bất động sản (-0,4%), Y tế (-0,2%) và Công nghiệp (+1,9%) là các nhóm kém hiệu quả nhất trong tháng, sau khi đã tăng mạnh trong tháng 5.

## QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 6 THÔNG TIN KHÁC

##### 6.1 Thông tin về Ban Đại diện Quỹ, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ và Nhân sự Điều hành Quỹ

| Tên                 | Chức vụ                          | Bằng cấp                                                                                                                                                                                                                       | Năm tham gia Công ty Quản lý Quỹ/Quỹ |
|---------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| Phạm Linh           | Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ        | - Thạc sỹ Kinh tế<br>- Cử nhân Đại học Ngân hàng                                                                                                                                                                               | 2024                                 |
| Tổng Công Cường     | Thành viên Ban Đại diện Quỹ      | - Thạc sỹ Luật học                                                                                                                                                                                                             | 2024                                 |
| Đoàn Thuận Hải      | Thành viên Ban Đại diện Quỹ      | - Cử nhân Đại học Ngoại Thương                                                                                                                                                                                                 | 2024                                 |
| Nguyễn Quốc Dũng    | Tổng Giám đốc                    | - Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh<br>- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của chương trình Pháp – Việt (CFVG)<br>- Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | 2025                                 |
| Trần Thập Kiều Quân | Trưởng Bộ phận Đầu tư Trái phiếu | - Cử nhân Kinh tế - Tài chính Ngân hàng<br>- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh<br>- Thành viên Hiệp hội Phân tích tài chính (CFA)                                                                                                    | 2006                                 |
| Bùi Văn Tốt         | Trưởng Bộ phận Đầu tư Cổ phiếu   | - Cử nhân Đại học Ngoại thương<br>- Thành viên Hiệp hội Phân tích tài chính (CFA).                                                                                                                                             | 2024                                 |

##### 6.2 Thông tin khác

Trong báo cáo này, các chỉ tiêu không trình bày được hiểu là không áp dụng hoặc số dư bằng không.

Thay mặt Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments



Nguyễn Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025



## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam ("Quỹ" hoặc "EVESG") cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 - Ngày thành lập Quỹ đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 - Ngày thành lập Quỹ đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

- Theo Điểm e, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98") và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: "Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ." Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Trong kỳ, tỷ lệ đầu tư vào các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ do thời gian hoạt động của Quỹ chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định trong thời gian cho phép.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm e, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.

- Theo Điểm i, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: "Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành". Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.

Trong kỳ, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định trên.

Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng theo quy định.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm i, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 11, Điều lệ Quỹ.





- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt, cụ thể như sau:

Tại một số kỳ định giá trong giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 - Ngày thành lập Quỹ đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, việc định giá và đánh giá tài sản của Quỹ đã phát sinh sai lệch, cụ thể như sau:

Theo thỏa thuận giữa Quỹ (đại diện bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Eastspring") và Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) ("Standard Chartered Vietnam"), biểu phí được áp dụng đối với các dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ và dịch vụ giám sát sẽ được áp dụng theo nguyên tắc lũy tiến dựa trên quy mô giá trị tài sản ròng trước phí của quỹ. Từ kỳ định giá ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 14 tháng 05 năm 2025, quy mô giá trị tài sản ròng trước phí của quỹ đã đạt hơn 1.000 tỷ đồng, theo đó tỷ lệ phí sẽ phải được điều chỉnh như đề cập trong biểu phí. Tuy nhiên, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã không thực hiện cập nhật tỷ lệ phí dẫn đến giá trị tài sản ròng của Quỹ đã công bố thấp hơn thực tế từ kỳ định giá tại ngày 01 tháng 12 năm 2024 cho đến kỳ định giá ngày 14 tháng 05 năm 2025.<sup>3</sup> Mức độ ảnh hưởng do sai sót trên đối với NAV đã công bố dao động từ 0,00002% đến 0,00011% tại các kỳ định giá và không ảnh hưởng đến NAV/chứng chỉ quỹ tại các kỳ trên. Tổng chênh lệch lũy kế cho giai đoạn kể trên đã thực hiện điều chỉnh vào kỳ định giá ngày 16/05/2025 đối với Quỹ.

- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 - Ngày thành lập Quỹ đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**
**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

**Nguyễn Thuỳ Linh**
**Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ**
**Trịnh Thị Vân Anh**
**Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ**

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT  
NAM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam ("Quỹ") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2025 và được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn ngày 14 tháng 8 năm 2025. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 15 đến trang 52.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Công ty Quản lý Quỹ")**

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở ("Thông tư 198/2012/TT-BTC"), Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở ("Thông tư 181/2015/TT-BTC"), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98/2020/TT-BTC") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC, Thông tư 181/2015/TT-BTC, Thông tư 98/2020/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho quỹ mở.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0849-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM17345  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**Mẫu số B 01g – QM**

**BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

| <b>Mã số</b> | <b>Chỉ tiêu</b>                                                   | <b>Thuyết minh</b> | <b>Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</b> |
|--------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>01</b>    | <b>I. THU NHẬP VÀ DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                  |                    | <b>78.086.738.100</b>                                                                           |
| 02           | 1.1. Cổ tức được chia                                             | 5.1                | 12.077.202.100                                                                                  |
| 04           | 1.3. Lỗ bán các khoản đầu tư                                      | 5.2                | (11.763.848.082)                                                                                |
| 05           | 1.4. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 5.3                | 77.773.384.082                                                                                  |
| <b>10</b>    | <b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>                                         |                    | <b>(3.215.777.440)</b>                                                                          |
| 11           | 2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư                  | 5.4                | (3.212.932.347)                                                                                 |
| 15           | 2.5. Chi phí đầu tư khác                                          |                    | (2.845.093)                                                                                     |
| <b>20</b>    | <b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỜ</b>                          |                    | <b>(12.312.433.765)</b>                                                                         |
| 20.1         | 3.1. Phí quản lý Quỹ                                              | 8(a)(i)            | (11.018.564.652)                                                                                |
| 20.2         | 3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ                               | 5.5                | (467.807.716)                                                                                   |
| 20.3         | 3.3. Phí dịch vụ giám sát Quỹ                                     | 8(a)(ii)           | (179.832.091)                                                                                   |
| 20.4         | 3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ                                     | 8(a)(ii)           | (244.893.179)                                                                                   |
| 20.5         | 3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng                             |                    | (77.733.334)                                                                                    |
| 20.7         | 3.7. Chi phí họp, Đại hội nhà đầu tư của Quỹ                      |                    | (2.196.936)                                                                                     |
| 20.8         | 3.8. Chi phí kiểm toán                                            |                    | (99.078.904)                                                                                    |
| 20.10        | 3.10. Chi phí hoạt động khác                                      | 5.6                | (222.326.953)                                                                                   |
| <b>23</b>    | <b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                               |                    | <b>62.558.526.895</b>                                                                           |

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 01g – QM

**BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

| Mã số | Chỉ tiêu                                         | Thuyết minh | Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND |
|-------|--------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
|       |                                                  |             |                                                                                          |
| 24    | V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC              |             | -                                                                                        |
| 30    | VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ            |             | <u>62.558.526.895</u>                                                                    |
| 31    | 6.1. Lỗ đã thực hiện                             | 6.7         | (15.214.857.187)                                                                         |
| 32    | 6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện                    | 6.7         | 77.773.384.082                                                                           |
| 40    | VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") |             | -                                                                                        |
| 41    | VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN            |             | <u>62.558.526.895</u>                                                                    |



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Lê Thị Thúy Phượng**  
Trưởng Bộ phận Quản trị Quỹ/ Người lập



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Quốc Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**Mẫu số B 02g – QM**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

| <b>Mã số</b> | <b>Chỉ tiêu</b>                                             | <b>Thuyết minh</b> | <b>Tại ngày 30.6.2025 VND</b> |
|--------------|-------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------|
| <b>100</b>   | <b>I. TÀI SẢN</b>                                           |                    |                               |
| 110          | 1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền                   | 6.1                | 52.306.919.197                |
|              | <i>Trong đó:</i>                                            |                    |                               |
| 111          | 1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ               |                    | 52.306.919.197                |
| 120          | 2. Các khoản đầu tư thuần                                   |                    | 1.418.883.146.000             |
| 121          | 2.1. Các khoản đầu tư                                       | 6.2                | 1.418.883.146.000             |
| <b>100</b>   | <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                                         |                    | <b>1.471.190.065.197</b>      |
| <b>300</b>   | <b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                      |                    |                               |
| 313          | 3. Phải trả cho các đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ |                    | 9.677.325                     |
| 314          | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                      |                    | 644.535                       |
| 316          | 6. Chi phí phải trả                                         | 6.3                | 171.078.904                   |
| 317          | 7. Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ ("CCQ")     | 6.4                | 57.300.000                    |
| 319          | 9. Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ                         | 6.5                | 1.670.524.793                 |
| 320          | 10. Phải trả khác                                           |                    | 37.687.671                    |
| <b>300</b>   | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>                                     |                    | <b>1.946.913.228</b>          |

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

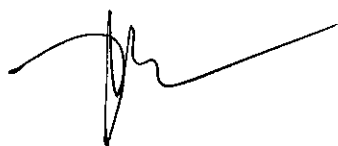
Mẫu số B 02g – QM

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

| Mã số | Chỉ tiêu                                                                     | Thuyết minh | Tại ngày 30.6.2025 VND   |
|-------|------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|
| 400   | <b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CCQ</b> | 6.6         | <b>1.469.243.151.969</b> |
| 411   | 1. Vốn góp của nhà đầu tư                                                    |             | 1.401.313.536.100        |
| 412   | 1.1. Vốn góp phát hành                                                       |             | 1.402.746.036.100        |
| 413   | 1.2. Vốn góp mua lại                                                         |             | (1.432.500.000)          |
| 414   | 2. Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư                                           |             | 5.371.088.974            |
| 420   | 3. Lợi nhuận chưa phân phối                                                  | 6.7         | 62.558.526.895           |
| 430   | <b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CCQ</b>                      | 6.6         | <b>10.485</b>            |
| 440   | <b>V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>                              |             |                          |

**CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

|     |                            |     |                       |
|-----|----------------------------|-----|-----------------------|
| 004 | Số lượng CCQ đang lưu hành | 6.6 | <b>140.131.353,61</b> |
|-----|----------------------------|-----|-----------------------|



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Lê Thị Thúy Phượng**  
Trưởng Bộ phận Quản trị Quỹ/ Người lập



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Quốc Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

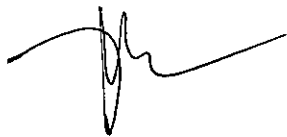
**QUỸ ĐẦU TƯ CỜ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 03g – QM

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP) ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm  
2024 (ngày thành lập) đến ngày  
30 tháng 6 năm 2025  
VND

| Mã số | Chỉ tiêu                                                                               |                   |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| I     | Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (“NAV”) đầu giai đoạn                                  | -                 |
| II    | Thay đổi NAV trong giai đoạn báo cáo                                                   | 62.558.526.895    |
|       | <i>Trong đó:</i>                                                                       |                   |
| II.1  | Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong giai đoạn | 62.558.526.895    |
| III   | Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm CCQ                                            | 1.406.684.625.074 |
|       | <i>Trong đó:</i>                                                                       |                   |
| III.1 | Khoản thu từ việc phát hành CCQ lần đầu                                                | 461.341.686.000   |
| III.2 | Khoản thu từ việc phát hành bổ sung CCQ                                                | 946.798.795.474   |
| III.3 | Khoản thanh toán từ việc mua lại CCQ                                                   | (1.455.856.400)   |
| IV    | NAV của Quỹ mở cuối giai đoạn                                                          | 1.469.243.151.969 |
| V     | NAV trên một đơn vị CCQ cuối giai đoạn                                                 | <u>10.485</u>     |



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Lê Thị Thúy Phượng** *nav*  
Trưởng Bộ phận Quản trị Quỹ/ Người lập



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Quốc Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**Mẫu số B 04g – QM**

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

| STT      | Chỉ tiêu                 | Số lượng  | Giá trị thị trường<br>tại ngày<br>30.6.2025<br>VND | Tổng giá trị<br>VND      | Tỷ lệ%/Tổng<br>giá trị tài sản<br>của Quỹ<br>(%) |
|----------|--------------------------|-----------|----------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Cổ phiếu niêm yết</b> |           |                                                    |                          |                                                  |
| 1        | CTG                      | 3.101.000 | 41.900                                             | 129.931.900.000          | 8,83                                             |
| 2        | FPT                      | 975.000   | 118.200                                            | 115.245.000.000          | 7,83                                             |
| 3        | ACB                      | 5.210.050 | 21.300                                             | 110.974.065.000          | 7,54                                             |
| 4        | HPG                      | 4.581.600 | 22.700                                             | 104.002.320.000          | 7,07                                             |
| 5        | TCB                      | 2.734.000 | 34.200                                             | 93.502.800.000           | 6,36                                             |
| 6        | MBB                      | 2.659.550 | 25.800                                             | 68.616.390.000           | 4,66                                             |
| 7        | STB                      | 1.452.500 | 46.700                                             | 67.831.750.000           | 4,61                                             |
| 8        | REE                      | 990.050   | 68.100                                             | 67.422.405.000           | 4,58                                             |
| 9        | MWG                      | 1.015.000 | 65.500                                             | 66.482.500.000           | 4,52                                             |
| 10       | KDH                      | 2.235.000 | 29.400                                             | 65.709.000.000           | 4,47                                             |
| 11       | VCB                      | 1.139.680 | 57.000                                             | 64.961.760.000           | 4,42                                             |
| 12       | GMD                      | 930.000   | 57.900                                             | 53.847.000.000           | 3,66                                             |
| 13       | PNJ                      | 611.000   | 83.100                                             | 50.774.100.000           | 3,45                                             |
| 14       | QNS                      | 831.000   | 47.600                                             | 39.555.600.000           | 2,69                                             |
| 15       | NLG                      | 867.900   | 39.100                                             | 33.934.890.000           | 2,31                                             |
| 16       | VCI                      | 934.000   | 35.750                                             | 33.390.500.000           | 2,27                                             |
| 17       | EIB                      | 1.400.000 | 22.850                                             | 31.990.000.000           | 2,17                                             |
| 18       | SSI                      | 1.205.000 | 24.700                                             | 29.763.500.000           | 2,02                                             |
| 19       | HDG                      | 1.127.000 | 25.350                                             | 28.569.450.000           | 1,94                                             |
| 20       | VIB                      | 1.517.000 | 18.300                                             | 27.761.100.000           | 1,89                                             |
| 21       | PVS                      | 814.000   | 32.900                                             | 26.780.600.000           | 1,82                                             |
| 22       | PC1                      | 959.600   | 21.900                                             | 21.015.240.000           | 1,43                                             |
| 23       | VHM                      | 251.000   | 76.700                                             | 19.251.700.000           | 1,31                                             |
| 24       | BWE                      | 396.400   | 47.950                                             | 19.007.380.000           | 1,29                                             |
| 25       | VEA                      | 386.600   | 39.300                                             | 15.193.380.000           | 1,03                                             |
| 26       | PLX                      | 380.000   | 37.250                                             | 14.155.000.000           | 0,96                                             |
| 27       | PVT                      | 689.040   | 17.900                                             | 12.333.816.000           | 0,84                                             |
| 28       | SIP                      | 100.000   | 68.800                                             | 6.880.000.000            | 0,47                                             |
|          |                          |           |                                                    | <b>1.418.883.146.000</b> | <b>96,44</b>                                     |

Các thuyết minh trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 04g – QM

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ**  
**TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**  
 (tiếp theo)

| STT | Chỉ tiêu                     | Tổng giá trị<br>VND | Tỷ lệ%/Tổng giá trị<br>tài sản của Quỹ<br>(%) |
|-----|------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------|
| II  | <b>Tiền</b>                  |                     |                                               |
| 1   | Tiền gửi ngân hàng           | 52.306.919.197      | 3,56                                          |
| III | <b>Tổng giá trị danh mục</b> | 1.471.190.065.197   | 100,00                                        |



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring  
 Investments  
**Lê Thị Thúy Phượng**  
 Trưởng Bộ phận Quản trị Quỹ/ Người lập



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring  
 Investments  
**Nguyễn Quốc Dũng**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**Mẫu số B 05q – QM**

| Mã số | Chỉ tiêu                                                                       | Thuyết minh | Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
|       | <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |             | <b>62.558.526.895</b>                                                                    |
| 01    | 1. Lợi nhuận trước thuế TNDN                                                   |             |                                                                                          |
| 02    | 2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư: |             | <b>(77.602.305.178)</b>                                                                  |
| 03    | Lãi chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện                    | 5.3         | (77.773.384.082)                                                                         |
| 04    | Chi phí trích trước                                                            |             | 171.078.904                                                                              |
| 05    | 3. Lỗ từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động                          |             | <b>(15.043.778.283)</b>                                                                  |
| 20    | Tăng các khoản đầu tư                                                          |             | (1.341.109.761.918)                                                                      |
| 11    | Tăng phải trả các đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ                      |             | 9.677.325                                                                                |
| 13    | Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                                       |             | 644.535                                                                                  |
| 14    | Tăng phải trả cho nhà đầu tư về mua CCQ                                        |             | 57.300.000                                                                               |
| 16    | Tăng phải trả khác                                                             |             | 37.687.671                                                                               |
| 17    | Tăng phải trả các dịch vụ quản lý quỹ mở                                       |             | 1.670.524.793                                                                            |
| 19    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                      |             | <b>(1.354.377.705.877)</b>                                                               |
|       | <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                              |             |                                                                                          |
| 31    | 1. Tiền thu từ phát hành CCQ                                                   | 6.6         | 1.408.140.481.474                                                                        |
| 32    | 2. Tiền chi mua lại CCQ                                                        | 6.6         | (1.455.856.400)                                                                          |
| 30    | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                   |             | <b>1.406.684.625.074</b>                                                                 |
| 40    | <b>III. Lưu chuyển tiền thuần trong giai đoạn</b>                              |             | <b>52.306.919.197</b>                                                                    |

22

Z.H.H. ★ H<sub>1</sub>

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 05g – QM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
(tiếp theo)**

| Mã số | Chỉ tiêu                                                          | Thuyết minh | Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 |                |
|-------|-------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|       |                                                                   |             | VND                                                                                  |                |
| 50    | IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu giai đoạn              | 6.1         | -                                                                                    | -              |
| 52    | Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ                          |             | -                                                                                    | -              |
| 53    | Tiền gửi của nhà đầu tư về mua CCQ                                |             | -                                                                                    | -              |
| 55    | V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối giai đoạn              | 6.1         | 52.306.919.197                                                                       | 52.306.919.197 |
| 57    | Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ                          |             | 52.306.919.197                                                                       | -              |
| 58    | Tiền gửi của nhà đầu tư về mua CCQ                                |             | -                                                                                    | -              |
| 60    | VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong giai đoạn |             | 52.306.919.197                                                                       | 52.306.919.197 |



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Lê Thị Thúy Phượng**  
Trưởng Bộ phận Quản trị Quỹ/ Người lập



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Quốc Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 24 đến trang 52 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**1.1 Giấy Chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ và Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ mở**

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 187/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 13 tháng 11 năm 2024. Theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 461.341.686.000 Đồng Việt Nam tương đương với 46.134.168,6 chứng chỉ quỹ (“CCQ”). Quỹ hoạt động theo Điều lệ Quỹ ban hành tháng 7 năm 2024. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

CCQ được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán số 117/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31 tháng 7 năm 2024. Theo quy định của giấy phép này, Quỹ được phép phát hành tối thiểu 5.000.000 CCQ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam/CCQ.

CCQ được giao dịch thông qua các đại lý phân phối.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty Quản lý Quỹ”). Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) được chỉ định là Ngân hàng giám sát và lưu ký của Quỹ.

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ**

***Quy mô vốn***

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng ngày 13 tháng 11 năm 2024 là 461.341.686.000 Đồng Việt Nam.

Quy mô vốn của Quỹ dựa trên số vốn thực góp của nhà đầu tư được trình bày tại Thuyết minh 6.6.

***Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư***

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu Tư trong dài hạn thông qua một danh mục đầu tư đa dạng vào các công ty có triển vọng tăng trưởng bền vững với mô hình kinh doanh phù hợp và có nỗ lực cải thiện các vấn đề liên quan đến Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp (Environmental – Social – Governance; viết tắt là ESG). Mỗi công ty trong danh mục đầu tư sẽ được đánh giá thể điểm ESG theo quy trình đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ. Quy trình đánh giá thể điểm đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Kỳ tính giá trị tài sản ròng (“NAV”)***

NAV của Quỹ được xác định hai lần mỗi tuần và hàng tháng. Đối với kỳ định giá hàng tuần, ngày định giá là ngày thứ Tư và ngày thứ Sáu. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trong trường hợp ngày giao dịch chứng chỉ quỹ là ngày nghỉ lễ thì việc xác định NAV của Quỹ vẫn được đảm bảo thực hiện tối thiểu một lần trong một tuần theo thông báo tại từng thời điểm.

***Phương pháp xác định NAV của Quỹ***

NAV của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

NAV trên một CCQ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng CCQ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

NAV trên một CCQ được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán (đến 1 Đồng Việt Nam). Phần dư phát sinh từ việc làm tròn NAV trên mỗi CCQ được hạch toán vào Quỹ.

***Định giá tài sản cho mục đích xác định NAV của Quỹ***

Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ phù hợp với Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 như sau:

| STT      | Loại tài sản                                                                                              | Nguyên tắc định giá                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Tiền, các khoản tương đương tiền và các công cụ thị trường tiền tệ</b>                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 1.1      | Tiền Đồng Việt Nam (“VND”)                                                                                | Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1.2      | Ngoại tệ                                                                                                  | Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.                                                                                                                                                   |
| 1.3      | Tiền gửi kỳ hạn                                                                                           | Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.                                                                                                                                                                                                    |
| 1.4      | Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác         | Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.                                                                                                                                                                                                                       |
| 1.5      | Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác | Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ (“BĐĐQ”) quy định và thời gian nắm giữ công cụ. |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Định giá tài sản cho mục đích xác định NAV của Quỹ (tiếp theo)***

| STT      | Loại tài sản                                                                                                                                                                                     | Nguyên tắc định giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>2</b> | <b>Cổ phiếu</b>                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 2.1      | Cổ phiếu niêm yết bao gồm: cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá sẽ được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ). Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo Chính sách sử dụng giá cũ quy định trong Sổ tay Định giá tài sản; hoặc</li> <li>+ Giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá phù hợp được phê duyệt bởi BDDQ; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét; hoặc</li> <li>+ Giá mua.</li> </ul> </li> </ul> |
| 2.2      | Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch                                                                                                                     | <p>Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ). Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo Chính sách sử dụng giá cũ quy định trong Sổ tay Định giá tài sản của Quỹ; hoặc</li> <li>- Giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá phù hợp được phê duyệt bởi BDDQ; hoặc</li> <li>- Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét; hoặc</li> <li>- Giá mua.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 2.3      | Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản                                                                                                                                          | <p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được BDDQ chấp thuận.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

*Định giá tài sản cho mục đích xác định NAV của Quỹ (tiếp theo)*

| STT      | Loại tài sản                                                                                                  | Nguyên tắc định giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>2</b> | <b>Cổ phiếu (tiếp theo)</b>                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 2.4      | Cổ phần, phần vốn góp khác                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ phiếu chưa niêm yết được mua thông qua đấu thầu tại các đợt phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng: cổ phiếu được định giá tại giá đấu thành công bình quân cho đến khi có báo giá thị trường như đề cập tại điều dưới đây. Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo Chính sách sử dụng giá cũ quy định trong Sổ tay Định giá tài sản của Quỹ;</li> <li>- Các loại cổ phần/phần góp vốn khác: Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do ba (3) tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có đủ báo giá hợp lệ của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán trong một ngày định giá nào đó thì mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá mua/Giá trị vốn góp; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp được BDDQ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul> |
| <b>3</b> | <b>Các tài sản khác được phép đầu tư:</b> Giá xác định theo phương pháp định giá được BDDQ của Quỹ phê duyệt. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ) được sử dụng tối đa ba (3) tháng tính đến ngày định giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Tần suất giao dịch CCQ***

Tần suất giao dịch CCQ là hai lần mỗi tuần vào các ngày thứ Tư và ngày thứ Sáu. Trong trường hợp ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ là ngày nghỉ lễ, tết thì Quỹ sẽ không thực hiện giao dịch trong những ngày đó.

***Phân phối thu nhập của Quỹ***

Việc phân phối lợi nhuận thực hiện theo Điều lệ Quỹ.

***Hạn chế đầu tư***

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau đây:

- a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c. Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành, tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan của một tổ chức phát hành;
- d. Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán của các tổ chức phát hành theo pháp luật Việt Nam và cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau, nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- e. Quỹ không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM (tiếp theo)**

**1.2 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ (tiếp theo)**

***Hạn chế đầu tư (tiếp theo)***

- f. Tổng giá trị các danh mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g. Tại mọi thời điểm, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h. Quỹ không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Quỹ;
- i. Quỹ không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại hiếm; và
- j. Danh mục đầu tư của Quỹ phải có chứng khoán của ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành.

Ngoại trừ quy định tại các điểm g, h, i, j, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- Hoạt động chia tách, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng tính từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ hoặc Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ điều chỉnh; hoặc
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, là giai đoạn tài chính đầu tiên của Quỹ. Vì vậy, không có số liệu so sánh trong báo cáo tài chính giai đoạn này.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch chứng khoán có ảnh hưởng lớn đến giá giao dịch và thanh toán. Ngoài ra, Quỹ còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính như phát hành và mua lại CCQ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Quỹ thường xuyên có giao dịch tại ngày của báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở bao gồm Thông tư 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở ("Thông tư 198/2012/TT-BTC"), Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở ("Thông tư 181/2015/TT-BTC"), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98/2020/TT-BTC") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho quỹ mở.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả hoạt động, thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

**3.2 Hình thức kế toán áp dụng**

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng cho hoạt động của Quỹ.

**4.2 Các khoản đầu tư**

***Nguyên tắc phân loại***

Quỹ phân loại các chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

***Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận***

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày giao dịch. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua, không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng và được đánh giá lại tại ngày báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 198/2012/TT-BTC. Mức giá để đánh giá lại được xác định theo pháp luật chứng khoán hiện hành và Điều lệ Quỹ.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày báo cáo.

***Đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ***

***Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán***

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá cuối cùng có sẵn (giá cũ). Việc sử dụng giá cũ này phải được giám sát và tuân theo chính sách sử dụng giá cũ quy định trong Sổ tay định giá tài sản;
- Giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá phù hợp được phê duyệt bởi BDDQ;
- Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;
- Giá mua.

***Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư***

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư 198/2012/TT-BTC.

**4.3 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động phát hành hoặc mua lại CCQ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.4 Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"). Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

*Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78/2014/TT-BTC") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111/2013/TT-BTC") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92/2015/TT-BTC") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài Chính về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư trong nước, tổ chức đầu tư chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế phát sinh từ khoản cổ tức đó. Khi Quỹ trả cổ tức cho tổ chức đầu tư nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần khấu trừ thuế TNDN đối với cổ tức được phân phối (ngoại trừ phần cổ tức được phân phối đã chịu thuế TNDN ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành).

Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân (cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

*Giao dịch mua lại CCQ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ thuế đối với giao dịch mua lại CCQ từ cá nhân (cư trú và không cư trú) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111/2013/TT-BTC được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC, Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại CCQ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư là tổ chức trong nước có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế TNDN theo Thông tư 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015.

**4.5 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi:

- Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra;
- Việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế; và
- Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.6 Vốn góp của nhà đầu tư và Lợi nhuận chưa phân phối**

Các CCQ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi CCQ có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

Số lượng CCQ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới hàng thập phân thứ hai (2) sau dấu phẩy.

*Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua CCQ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần phát hành bổ sung sau ngày thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý Quỹ với chứng chỉ quỹ của Quỹ. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

*Vốn góp mua lại*

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại CCQ của các nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch CCQ sau ngày thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý Quỹ với chứng chỉ quỹ của Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

*Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư*

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa NAV/CCQ và mệnh giá trên một CCQ được phát hành/mua lại.

*Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối*

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong giai đoạn là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong giai đoạn.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong giai đoạn là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong giai đoạn.

Cuối giai đoạn, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong giai đoạn và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.6 Vốn góp của nhà đầu tư và Lợi nhuận chưa phân phối (tiếp theo)**

*Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong giai đoạn cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối giai đoạn.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Lợi nhuận được phân phối cho nhà đầu tư bởi Công ty Quản lý Quỹ sau khi đã khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

**4.7 Doanh thu và thu nhập**

Doanh thu và thu nhập được ghi nhận khi Quỹ nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu và thu nhập:

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**4.8 Chi phí**

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

**4.9 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Quỹ liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Quỹ căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.10 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Quỹ tham gia vào hoạt động đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động) hoặc đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Quỹ một cách toàn diện.

*(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động của Quỹ chỉ bao gồm một lĩnh vực kinh doanh là đầu tư tài chính vào chứng khoán (chỉ bao gồm cổ phiếu), chứng chỉ tiền gửi, tiền gửi có kỳ hạn và không có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo mục tiêu và chính sách đầu tư được đề cập trong Điều lệ Quỹ.

*(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Hoạt động của Quỹ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Quỹ đầu tư vào tiền gửi ngân hàng và chứng khoán được phát hành bởi các công ty được thành lập, hoặc niêm yết, hoặc hoạt động chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Quỹ không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về thị trường hay khu vực địa lý.

**4.11 Số liệu bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số liệu bằng không.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Cổ tức được chia**

Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm  
2024 (ngày thành lập) đến ngày  
30 tháng 6 năm 2025  
VND

Cổ tức đã nhận

12.077.202.100

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM

Mẫu số B 06g – QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

|     |                                                                 |                                                   |                                                                            |                                                                                   |                                                                                                                           |  |
|-----|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 5.2 | Lỗ bán các khoản đầu tư                                         |                                                   |                                                                            |                                                                                   |                                                                                                                           |  |
|     |                                                                 | Tổng giá trị thu từ việc bán các khoản đầu tư VND | Giá vốn bình quân của các khoản đầu tư cho đến ngày giao dịch gần nhất VND | Lỗ đã thực hiện trong giai đoạn từ ngày 13.11.2024 đến ngày 30.6.2025 VND         | Lỗ đã thực hiện lũy kế đến ngày 30.6.2025 VND                                                                             |  |
|     |                                                                 | [1]                                               | [2]                                                                        | [3] = [1] – [2]                                                                   |                                                                                                                           |  |
|     | Cổ phiếu niêm yết                                               | 439.565.375.000                                   | 451.329.223.082                                                            | (11.763.848.082)                                                                  | (11.763.848.082)                                                                                                          |  |
| 5.3 | Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện |                                                   |                                                                            |                                                                                   |                                                                                                                           |  |
|     |                                                                 | Giá trị sổ sách VND                               | Giá thị trường/ giá trị hợp lý tại ngày 30.6.2025 VND                      | Lãi chưa thực hiện từ đánh giá lại các khoản đầu tư lũy kế tại ngày 30.6.2025 VND | Chênh lệch tăng do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện trong giai đoạn từ ngày 13.11.2024 đến ngày 30.6.2025 VND |  |
|     |                                                                 | [1]                                               | [2]                                                                        | [3] = [2] – [1]                                                                   |                                                                                                                           |  |
|     | Cổ phiếu niêm yết                                               | 1.341.109.761.918                                 | 1.418.883.146.000                                                          | 77.773.384.082                                                                    | 77.773.384.082                                                                                                            |  |

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM****Mẫu số B 06g – QM****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)****5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.4 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư****Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm  
2024 (ngày thành lập) đến ngày  
30 tháng 6 năm 2025  
VND**

|                               |               |
|-------------------------------|---------------|
| Chi phí môi giới mua cổ phiếu | 2.619.682.869 |
| Chi phí môi giới bán cổ phiếu | 593.249.478   |
|                               | <hr/>         |
|                               | 3.212.932.347 |

**5.5 Phí dịch vụ lưu ký tài sản của Quỹ****Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm  
2024 (ngày thành lập) đến ngày  
30 tháng 6 năm 2025  
VND**

|                                                                                          |             |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán thanh toán cho<br>Ngân hàng lưu ký (Thuyết minh 8(a)(ii)) | 375.379.198 |
| Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 8(a)(ii))                                         | 43.165.000  |
| Phí lưu ký chứng khoán thanh toán cho VSDC                                               | 49.263.518  |
|                                                                                          | <hr/>       |
|                                                                                          | 467.807.716 |

**5.6 Chi phí hoạt động khác****Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm  
2024 (ngày thành lập) đến ngày  
30 tháng 6 năm 2025  
VND**

|                                                  |             |
|--------------------------------------------------|-------------|
| Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(a)(iii)) | 182.400.000 |
| Phí ngân hàng (Thuyết minh 8(a)(ii))             | 2.239.282   |
| Phí công tác, họp Ban Đại diện Quỹ               | 37.687.671  |
|                                                  | <hr/>       |
|                                                  | 222.326.953 |

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM****Mẫu số B 06g – QM**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền**

**Tại ngày  
30.6.2025  
VND**

**Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ**

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)  
(Thuyết minh 8(b))

**52.306.919.197**

**6.2 Các khoản đầu tư**

Tất cả các công ty được đầu tư như trên báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam. Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 4.2, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

|                   | <b>Chênh lệch đánh giá lại</b> |                                |                                | <b>Giá trị đánh giá lại<br/>theo giá trị thị<br/>trường/giá trị hợp lý<br/>VND</b> |
|-------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|                   | <b>Giá mua<br/>VND</b>         | <b>Chênh lệch tăng<br/>VND</b> | <b>Chênh lệch giảm<br/>VND</b> |                                                                                    |
| Cổ phiếu niêm yết | 1.341.109.761.918              | 114.801.011.028                | (37.027.626.946)               | 1.418.883.146.000                                                                  |

**6.3 Chi phí phải trả**

**Tại ngày  
30.6.2025  
VND**

|                                             |                    |
|---------------------------------------------|--------------------|
| Phí kiểm toán                               | 99.078.904         |
| Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 8(b)) | 72.000.000         |
|                                             | <b>171.078.904</b> |

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****6.4 Phải trả cho nhà đầu tư về mua CCQ**

Phải trả cho nhà đầu tư về mua CCQ thể hiện số tiền nhận từ nhà đầu tư về mua CCQ hợp lệ và chờ phát hành.

**6.5 Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ**

Tại ngày  
30.6.2025  
VND

**Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ**  
Phí quản lý Quỹ (Thuyết minh 8(b))

1.542.186.760

**Phải trả cho Ngân hàng Giám sát và Lưu ký**

Phí giám sát quỹ (Thuyết minh 8(b))

25.096.498

Phí lưu ký (Thuyết minh 8(b))

52.472.439

Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 8(b))

5.850.000

83.418.937

**Phải trả cho Dịch vụ quản trị Quỹ và Đại lý chuyển nhượng**

Phí quản trị Quỹ (Thuyết minh 8(b))

33.919.096

Phí đại lý chuyển nhượng

11.000.000

44.919.096

1.670.524.793



**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**Mẫu số B 06g – QM**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**6.6 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

|                                           | Đơn vị         | Số dư tại đầu<br>ngày 13.11.2024<br>(ngày thành lập) (*) | Phát sinh<br>trong giai đoạn | Số dư tại ngày<br>30.6.2025 |
|-------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| <b>Vốn góp phát hành</b>                  |                |                                                          |                              |                             |
| Số lượng                                  | CCQ            | 46.134.168,60                                            | 94.140.435,01                | 140.274.603,61              |
| Giá trị ghi theo mệnh giá                 | VND            | 461.341.686.000                                          | 941.404.350.100              | 1.402.746.036.100           |
| Thặng dư vốn phát hành của nhà đầu tư     | VND            | -                                                        | 5.394.445.374                | 5.394.445.374               |
| <b>Tổng giá trị phát hành CCQ</b>         | <b>VND</b>     | <b>461.341.686.000</b>                                   | <b>946.798.795.474</b>       | <b>1.408.140.481.474</b>    |
| <b>Vốn góp mua lại</b>                    |                |                                                          |                              |                             |
| Số lượng                                  | CCQ            | -                                                        | (143.250)                    | (143.250,00)                |
| Giá trị ghi theo mệnh giá                 | VND            | -                                                        | (1.432.500.000)              | (1.432.500.000)             |
| Chiết khấu vốn góp mua lại của nhà đầu tư | VND            | -                                                        | (23.356.400)                 | (23.356.400)                |
| <b>Tổng giá trị mua lại CCQ</b>           | <b>VND</b>     | <b>-</b>                                                 | <b>(1.455.856.400)</b>       | <b>(1.455.856.400)</b>      |
| <b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>          | <b>VND</b>     | <b>461.341.686.000</b>                                   | <b>945.342.939.074</b>       | <b>1.406.684.625.074</b>    |
| Lợi nhuận chưa phân phối                  | VND            | -                                                        | 62.558.526.895               | 62.558.526.895              |
| <b>NAV hiện hành</b>                      | <b>VND</b>     | <b>461.341.686.000</b>                                   | <b>1.007.901.465.969</b>     | <b>1.469.243.151.969</b>    |
| <b>Số lượng CCQ hiện hành</b>             | <b>CCQ</b>     | <b>46.134.168,60</b>                                     | <b>93.997.185,01</b>         | <b>140.131.353,61</b>       |
| <b>NAV hiện hành/1 CCQ</b>                | <b>VND/CCQ</b> | <b>10.000</b>                                            |                              | <b>10.485</b>               |

(\*) Theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ số 187/GCN-UBCK ngày 13 tháng 11 năm 2024, vốn điều lệ của Quỹ là 461.341.686.000 VND.

**6.7 Lợi nhuận chưa phân phối**

|                                 | Số dư tại đầu<br>ngày 13.11.2024<br>(ngày thành lập)<br>VND | Phát sinh<br>trong giai đoạn<br>VND | Số dư tại ngày<br>30.6.2025<br>VND |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|
| Lỗ đã thực hiện                 | -                                                           | (15.214.857.187)                    | (15.214.857.187)                   |
| Lợi nhuận chưa thực hiện        | -                                                           | 77.773.384.082                      | 77.773.384.082                     |
| <b>Lợi nhuận chưa phân phối</b> | <b>-</b>                                                    | <b>62.558.526.895</b>               | <b>62.558.526.895</b>              |

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**7 THUYẾT MINH VỀ NAV**

| Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập)<br>đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 |               |                   |                 |                                          |                                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------|-----------------|------------------------------------------|---------------------------------|
| STT                                                                                     | Ngày tính NAV | NAV<br>VND        | Số lượng<br>CCQ | NAV/1 CCQ<br>tại ngày<br>tính NAV<br>VND | Tăng/(giảm)<br>NAV/1 CCQ<br>VND |
| 1                                                                                       | 13/11/2024    | 461.341.686.000   | 46.134.168,60   | 10.000                                   | -                               |
| 2                                                                                       | 21/11/2024    | 461.173.431.996   | 46.134.168,60   | 9.996                                    | (4)                             |
| 3                                                                                       | 28/11/2024    | 464.025.815.686   | 46.134.168,60   | 10.058                                   | 62                              |
| 4                                                                                       | 30/11/2024    | 1.408.672.976.644 | 139.663.264,58  | 10.086                                   | 28                              |
| 5                                                                                       | 03/12/2024    | 1.407.228.710.967 | 139.663.264,58  | 10.076                                   | (10)                            |
| 6                                                                                       | 05/12/2024    | 1.434.540.066.445 | 139.695.519,42  | 10.269                                   | 193                             |
| 7                                                                                       | 10/12/2024    | 1.434.453.257.433 | 139.753.957,39  | 10.264                                   | (5)                             |
| 8                                                                                       | 12/12/2024    | 1.428.552.814.413 | 139.769.642,97  | 10.221                                   | (43)                            |
| 9                                                                                       | 17/12/2024    | 1.422.559.523.426 | 139.777.959,15  | 10.177                                   | (44)                            |
| 10                                                                                      | 19/12/2024    | 1.417.973.145.842 | 139.777.991,32  | 10.144                                   | (33)                            |
| 11                                                                                      | 24/12/2024    | 1.424.020.561.448 | 139.911.272,07  | 10.178                                   | 34                              |
| 12                                                                                      | 26/12/2024    | 1.443.053.018.006 | 139.921.009,73  | 10.313                                   | 135                             |
| 13                                                                                      | 31/12/2024    | 1.436.594.127.981 | 139.931.869,79  | 10.266                                   | (47)                            |
| 14                                                                                      | 02/01/2025    | 1.437.824.640.825 | 139.931.869,79  | 10.275                                   | 9                               |
| 15                                                                                      | 07/01/2025    | 1.404.304.106.010 | 139.939.655,67  | 10.035                                   | (240)                           |
| 16                                                                                      | 09/01/2025    | 1.402.715.176.242 | 139.962.770,95  | 10.022                                   | (13)                            |
| 17                                                                                      | 14/01/2025    | 1.387.792.464.704 | 139.966.162,57  | 9.915                                    | (107)                           |
| 18                                                                                      | 16/01/2025    | 1.398.059.812.251 | 139.971.535,72  | 9.988                                    | 73                              |
| 19                                                                                      | 21/01/2025    | 1.408.316.377.024 | 139.971.535,72  | 10.061                                   | 73                              |
| 20                                                                                      | 23/01/2025    | 1.427.829.897.135 | 139.998.372,00  | 10.199                                   | 138                             |
| 21                                                                                      | 31/01/2025    | 1.430.677.082.010 | 140.003.274,44  | 10.219                                   | 20                              |
| 22                                                                                      | 04/02/2025    | 1.429.956.242.872 | 140.003.274,44  | 10.214                                   | (5)                             |
| 23                                                                                      | 06/02/2025    | 1.437.781.327.781 | 140.033.135,40  | 10.267                                   | 53                              |
| 24                                                                                      | 11/02/2025    | 1.433.194.686.911 | 140.033.135,40  | 10.235                                   | (32)                            |
| 25                                                                                      | 13/02/2025    | 1.431.321.712.442 | 140.031.198,35  | 10.221                                   | (14)                            |
| 26                                                                                      | 18/02/2025    | 1.431.883.198.572 | 140.031.198,35  | 10.225                                   | 4                               |
| 27                                                                                      | 20/02/2025    | 1.448.636.487.088 | 140.031.198,35  | 10.345                                   | 120                             |
| 28                                                                                      | 25/02/2025    | 1.459.699.767.842 | 140.032.165,00  | 10.424                                   | 79                              |
| 29                                                                                      | 27/02/2025    | 1.467.555.074.072 | 140.032.165,00  | 10.480                                   | 56                              |
| 30                                                                                      | 28/02/2025    | 1.462.257.197.227 | 140.032.165,00  | 10.442                                   | (38)                            |
| 31                                                                                      | 04/03/2025    | 1.471.147.241.305 | 140.032.165,00  | 10.506                                   | 64                              |
| 32                                                                                      | 06/03/2025    | 1.479.242.808.401 | 140.034.068,67  | 10.563                                   | 57                              |
| 33                                                                                      | 11/03/2025    | 1.489.123.630.138 | 140.024.542,00  | 10.635                                   | 72                              |
| 34                                                                                      | 13/03/2025    | 1.469.742.380.930 | 140.024.823,26  | 10.496                                   | (139)                           |
| 35                                                                                      | 18/03/2025    | 1.464.201.376.383 | 140.024.773,26  | 10.457                                   | (39)                            |
| 36                                                                                      | 20/03/2025    | 1.454.622.869.060 | 140.025.729,55  | 10.388                                   | (69)                            |
| 37                                                                                      | 25/03/2025    | 1.458.653.458.086 | 140.025.777,53  | 10.417                                   | 29                              |
| 38                                                                                      | 27/03/2025    | 1.447.340.643.748 | 140.025.777,53  | 10.336                                   | (81)                            |
| 39                                                                                      | 31/03/2025    | 1.428.365.485.430 | 140.027.712,51  | 10.201                                   | (135)                           |

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**7 THUYẾT MINH VỀ NAV (tiếp theo)**

| Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập)<br>đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 |               |                   |                 |                                          |                                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------|-----------------|------------------------------------------|---------------------------------|
| STT                                                                                     | Ngày tính NAV | NAV<br>VND        | Số lượng<br>CCQ | NAV/1 CCQ<br>tại ngày<br>tính NAV<br>VND | Tăng/(giảm)<br>NAV/1 CCQ<br>VND |
| 40                                                                                      | 01/04/2025    | 1.437.533.879.666 | 140.027.712,51  | 10.266                                   | 65                              |
| 41                                                                                      | 03/04/2025    | 1.340.252.088.228 | 140.044.778,46  | 9.570                                    | (696)                           |
| 42                                                                                      | 08/04/2025    | 1.229.675.138.589 | 140.059.825,47  | 8.780                                    | (790)                           |
| 43                                                                                      | 10/04/2025    | 1.259.658.484.954 | 140.068.424,38  | 8.993                                    | 213                             |
| 44                                                                                      | 15/04/2025    | 1.324.157.592.039 | 140.125.468,73  | 9.450                                    | 457                             |
| 45                                                                                      | 17/04/2025    | 1.308.149.455.879 | 140.151.447,55  | 9.334                                    | (116)                           |
| 46                                                                                      | 22/04/2025    | 1.301.736.781.697 | 140.151.447,55  | 9.288                                    | (46)                            |
| 47                                                                                      | 24/04/2025    | 1.324.907.843.907 | 140.153.816,19  | 9.453                                    | 165                             |
| 48                                                                                      | 30/04/2025    | 1.324.047.349.193 | 140.159.105,51  | 9.447                                    | (6)                             |
| 49                                                                                      | 06/05/2025    | 1.335.634.694.534 | 140.159.105,51  | 9.529                                    | 82                              |
| 50                                                                                      | 08/05/2025    | 1.353.291.152.967 | 140.160.784,59  | 9.655                                    | 126                             |
| 51                                                                                      | 13/05/2025    | 1.389.617.026.010 | 140.181.509,56  | 9.913                                    | 258                             |
| 52                                                                                      | 15/05/2025    | 1.413.786.863.131 | 140.186.553,44  | 10.085                                   | 172                             |
| 53                                                                                      | 20/05/2025    | 1.401.317.929.855 | 140.187.743,32  | 9.996                                    | (89)                            |
| 54                                                                                      | 22/05/2025    | 1.391.398.035.101 | 140.189.793,98  | 9.925                                    | (71)                            |
| 55                                                                                      | 27/05/2025    | 1.422.161.988.766 | 140.189.793,98  | 10.145                                   | 220                             |
| 56                                                                                      | 29/05/2025    | 1.421.415.713.481 | 140.191.166,81  | 10.139                                   | (6)                             |
| 57                                                                                      | 31/05/2025    | 1.408.487.499.838 | 140.192.153,10  | 10.047                                   | (92)                            |
| 58                                                                                      | 03/06/2025    | 1.424.973.935.148 | 140.192.153,10  | 10.164                                   | 117                             |
| 59                                                                                      | 05/06/2025    | 1.423.910.949.595 | 140.192.398,32  | 10.157                                   | (7)                             |
| 60                                                                                      | 10/06/2025    | 1.407.953.213.228 | 140.192.408,13  | 10.043                                   | (114)                           |
| 61                                                                                      | 12/06/2025    | 1.428.550.380.546 | 140.192.408,13  | 10.190                                   | 147                             |
| 62                                                                                      | 17/06/2025    | 1.454.950.987.594 | 140.142.457,05  | 10.382                                   | 192                             |
| 63                                                                                      | 19/06/2025    | 1.455.511.965.441 | 140.140.457,05  | 10.386                                   | 4                               |
| 64                                                                                      | 24/06/2025    | 1.458.836.148.310 | 140.130.457,05  | 10.411                                   | 25                              |
| 65                                                                                      | 26/06/2025    | 1.458.466.609.822 | 140.129.457,05  | 10.408                                   | (3)                             |
| 66                                                                                      | 30/06/2025    | 1.469.243.151.969 | 140.131.353,61  | 10.485                                   | 77                              |

**NAV bình quân trong giai đoạn**

**1.345.505.159.871**

**Biến động NAV/CCQ trong giai đoạn - mức cao nhất**

**(790)**

**Biến động NAV/CCQ trong giai đoạn - mức thấp nhất**

**(3)**

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Trong giai đoạn báo cáo, các nghiệp vụ chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

(i) Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Công ty Quản lý Quỹ")

**Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024  
(ngày thành lập) đến ngày  
30 tháng 6 năm 2025  
VND**

|                 |                |
|-----------------|----------------|
| Phí quản lý Quỹ | 11.018.564.652 |
|-----------------|----------------|

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý Quỹ là 1,3% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Bất kỳ thay đổi của tỷ lệ phí quản lý Quỹ phải được phê duyệt trong Đại hội Nhà đầu tư nhằm đảm bảo tổng phí quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá.

(ii) Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)  
("Ngân hàng Giám sát và Lưu ký và Quản trị Quỹ")

**Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024  
(ngày thành lập) đến ngày  
30 tháng 6 năm 2025  
VND**

|                                         |             |
|-----------------------------------------|-------------|
| <b>Phí trả cho Dịch vụ giám sát Quỹ</b> |             |
| Phí giám sát Quỹ                        | 179.832.091 |

|                                                                                     |                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>Phí trả cho Dịch vụ lưu ký chứng khoán</b>                                       |                    |
| Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán thanh toán cho<br>Ngân hàng lưu ký (Thuyết minh 5.5) | 375.379.198        |
| Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 5.5)                                         | 43.165.000         |
|                                                                                     | <u>418.544.198</u> |

|                                                       |                    |
|-------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>Phí trả cho dịch vụ quản trị Quỹ và thanh toán</b> |                    |
| Phí quản trị Quỹ                                      | 244.893.179        |
| Phí ngân hàng (Thuyết minh 5.6)                       | 2.239.282          |
|                                                       | <u>247.132.461</u> |

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**Mẫu số B 06g – QM**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

(ii) *Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)  
("Ngân hàng Giám sát và Lưu ký và Quản trị Quỹ") (tiếp theo)*

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí lưu ký, phí giám sát tài sản, phí quản trị quỹ hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ tương ứng. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính cho các kỳ định giá trong tháng không nhỏ hơn mức phí tối thiểu và không vượt quá mức phí tối đa, cụ thể mức phí tối đa như sau:

- Phí giám sát là 0,02% NAV/năm.
- Phí lưu ký là 0,045% NAV/năm.
- Phí giao dịch thanh toán bù trừ chứng khoán là 150.000 đồng cho một giao dịch.
- Phí dịch vụ quản trị Quỹ là 0,025% NAV/năm.

(iii) *Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ*

**Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024  
(ngày thành lập) đến ngày  
30 tháng 6 năm 2025  
VND**

Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 5.6)

**182.400.000**

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập giữa niên độ.

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 06g – QM

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**8 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(b) Số dư với các bên liên quan**

Tại ngày cuối giai đoạn báo cáo, số dư với các bên liên quan như sau:

|                                                                    | <b>Tại ngày<br/>30.6.2025<br/>VND</b>                               |
|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| <b>Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments</b>             |                                                                     |
| Phí quản lý Quỹ phải trả (Thuyết minh 6.5)                         | 1.542.186.760                                                       |
| <b>Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)</b> |                                                                     |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ (Thuyết minh 6.1)         | 52.306.919.197                                                      |
| Phí lưu ký phải trả (Thuyết minh 6.5)                              | 52.472.439                                                          |
| Phí giám sát Quỹ phải trả (Thuyết minh 6.5)                        | 25.096.498                                                          |
| Phí quản trị Quỹ phải trả (Thuyết minh 6.5)                        | 33.919.096                                                          |
| Phí giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 6.5)                        | 5.850.000                                                           |
| <b>Ban Đại diện Quỹ</b>                                            |                                                                     |
| Trích trước thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 6.3)             | 72.000.000                                                          |
| <b>Tỷ lệ chứng chỉ quỹ mà các bên liên quan nắm giữ</b>            |                                                                     |
|                                                                    | <b>Tại ngày<br/>30.6.2025<br/>(%)</b>                               |
| <b>Các bên liên quan</b>                                           |                                                                     |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ<br>Prudential Việt Nam              | <b>Mối quan hệ</b><br>Cùng thuộc Tập đoàn<br>Eastspring Investments |
|                                                                    | 98,81                                                               |

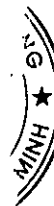
**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM****Mẫu số B 06g – QM**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ**

**Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024  
(ngày thành lập) đến ngày  
30 tháng 6 năm 2025**

|          |                                                                                                                                                 |        |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| <b>I</b> | <b>Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động</b>                                                                                                       |        |
| 1        | Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong giai đoạn (%)                                                        | 1,30   |
| 2        | Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho ngân hàng giám sát/NAV trung bình trong giai đoạn (%)                                                | 0,07   |
| 3        | Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí khác mà quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV trung bình trong giai đoạn (%)  | 0,04   |
| 4        | Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong giai đoạn (%)                                                                  | 0,01   |
| 5        | Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong giai đoạn (%) | 0,02   |
| 6        | Tỷ lệ chi phí/NAV trung bình trong giai đoạn (%)                                                                                                | 1,83   |
| 7        | Tốc độ vòng quay danh mục trong giai đoạn (%)                                                                                                   | 131,63 |



**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**Mẫu số B 06g – QM**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**9 CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỜ (tiếp theo)**

**Giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024  
(ngày thành lập) đến ngày  
30 tháng 6 năm 2025**

**II Các chỉ tiêu khác**

|                                                                                                  |                   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>1 Quy mô Quỹ đầu giai đoạn (tính theo mệnh giá CCQ)</b>                                       |                   |
| Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu giai đoạn (CCQ)                                    | -                 |
| Tổng giá trị CCQ đang lưu hành tại đầu giai đoạn (VND)                                           | -                 |
| <b>2 Thay đổi quy mô Quỹ trong giai đoạn (tính theo mệnh giá CCQ)</b>                            |                   |
| Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong giai đoạn (CCQ)                                      | 140.274.603,61    |
| Giá trị vốn góp phát hành thêm trong giai đoạn<br>(theo mệnh giá) (VND)                          | 1.402.746.036.100 |
| Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong giai đoạn (CCQ)                                             | (143.250,00)      |
| Giá trị vốn góp mua lại trong giai đoạn khi đáp ứng<br>lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND) | (1.432.500.000)   |
| <b>3 Quy mô Quỹ cuối giai đoạn (tính theo mệnh giá CCQ)</b>                                      |                   |
| Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối giai đoạn (CCQ)                                   | 140.131.353,61    |
| Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối giai đoạn (VND)                                              | 1.401.313.536.100 |
| <b>4 Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người<br/>có liên quan cuối giai đoạn (%)</b>  | <b>98,81</b>      |
| <b>5 Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối giai đoạn (%)</b>                         | <b>99,25</b>      |
| <b>6 Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối giai đoạn (%)</b>                          | <b>-</b>          |
| <b>7 Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối giai đoạn</b>                                           | <b>176</b>        |
| <b>8 NAV/CCQ cuối giai đoạn (VND)</b>                                                            | <b>10.485</b>     |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210/2009/TT-BTC") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210/TT-BTC đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh, trong đó bao gồm các chính sách quản lý rủi ro tài chính và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng  
Rủi ro thanh khoản  
Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết. Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Ngân hàng Giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở kỳ định giá. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Điều hành và/hoặc Người Điều hành quỹ của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng.

Chứng khoán đầu tư của Quỹ chỉ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán được thanh toán hoặc chi trả qua Trung tâm lưu ký chứng khoán, các đối tác và các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là rất nhỏ.

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền và chứng khoán niêm yết, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tất cả các khoản nợ phải trả của Quỹ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Quỹ không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quỹ nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì hầu hết các khoản tiền gửi của Quỹ đều hưởng lãi suất cố định.

*Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ là có gốc tiền tệ là tiền Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

*Rủi ro giá thị trường*

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, nếu giá chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì NAV của Quỹ sẽ cao hơn/thấp hơn 141.888.314.600 Đồng Việt Nam tương ứng.

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính của Quỹ bao gồm:

- Tiền;
- Công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác;

Nợ phải trả tài chính của Quỹ là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Quỹ hoặc là các hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

**Mẫu số B 06g – QM**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP LÝ (tiếp theo)**

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Do đó, Quỹ áp dụng phương pháp định giá NAV theo Thông tư 98/2020/TT-BTC, Điều lệ Quỹ và Sổ tay Định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 lần lượt như sau:

|                                                                 | Giá trị trước<br>đánh giá lại<br>30.6.2025<br>VND | Giá trị hợp lý (*)<br>30.6.2025<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>Tài sản tài chính</b>                                        |                                                   |                                        |
| Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền                | 52.306.919.197                                    | 52.306.919.197                         |
| Các khoản đầu tư thuần                                          | 1.341.109.761.918                                 | 1.418.883.146.000                      |
| - Cổ phiếu niêm yết                                             | 1.341.109.761.918                                 | 1.418.883.146.000                      |
| <b>Tổng cộng</b>                                                | <b>1.393.416.681.115</b>                          | <b>1.471.190.065.197</b>               |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>                                    |                                                   |                                        |
| Phải trả cho các Đại lý phân phối CCQ và Công ty<br>Quản lý Quỹ | 9.677.325                                         | 9.677.325                              |
| Chi phí phải trả                                                | 171.078.904                                       | 171.078.904                            |
| Phải trả cho nhà đầu tư về mua CCQ                              | 57.300.000                                        | 57.300.000                             |
| Phải trả các dịch vụ quản lý Quỹ                                | 1.670.524.793                                     | 1.670.524.793                          |
| Phải trả khác                                                   | 37.687.671                                        | 37.687.671                             |
| <b>Tổng cộng</b>                                                | <b>1.946.268.693</b>                              | <b>1.946.268.693</b>                   |

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ cũng là giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ.

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU ESG EASTSPRING INVESTMENTS VIỆT NAM**

Mẫu số B 06g – QM

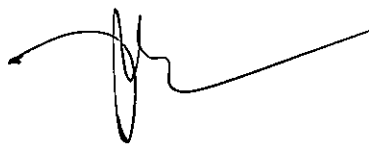
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 13 THÁNG 11 NĂM 2024 (NGÀY THÀNH LẬP)  
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025  
(tiếp theo)**

**11 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

**12 PHÊ CHUẨN PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 13 tháng 11 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn để phát hành vào ngày 14 tháng 8 năm 2025.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Lê Thị Thúy Phượng**  
Trưởng Bộ phận Quản trị Quỹ/ Người lập



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments  
**Nguyễn Quốc Dũng**  
Tổng Giám đốc

